TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRI TÔN** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2019/DS-ST
Ngày: 09/01/2019
" Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRI TÔN, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*:** Ông Mai Văn Khánh.

***Hội thẩm nhân dân*:**

- Ông Chau Khiêng Sóc.

- Bà Chế Thị Hồng Cẩm.

***Thư ký phiên tòa*:** Bà Đỗ Minh Huyền – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tri Tôn tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Ngọc Diễm

Ngày 09/01/2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 99/2018/TLST-DS ngày 25 tháng 6 năm 2018 về việc "*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản* " theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2018/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 11 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Võ Thanh Ph, sinh năm 1978; địa chỉ: Tổ 5, ấp A, xã Tân T, huyện T1, An Giang – Có mặt.

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1967; địa chỉ: Tổ 5, ấp A, xã T, huyện T1, An Giang – Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện ngày 14 tháng 6 năm 2018 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên Toà nguyên đơn ông Võ Thanh Ph trình bày:

Nguyên ngày 24/4/2017 ông L có đến cửa hàng vật liệu xây dựng gia đình ông hỏi mua vật liệu xây dựng để xây nhà, do chỗ quen biết, láng giềng nên ông tin tưởng bán nợ, phương thức thanh toán là mỗi tuần thì ông và ông L kết sổ trả tiền nếu còn nợ thì tiếp tục ghi nợ cho đến khi ông L xây dựng xong căn nhà. Ngày

20/9/2017 ông và ông L ngồi lại và cộng kết sổ, ông L còn nợ ông số tiền 73.317.000 đồng và có sự xác nhận nợ của ông L. Sau thời gian xây dựng xong, căn nhà ông L lại tiếp tục mua vật tư xây dựng nợ thêm 4.504.000 đồng, số tiền nợ này không có sự xác nhận của ông L. Tổng số tiền mà ông L còn nợ ông là 77.831.000 đồng, ông nhiều lần gặp trực tiếp ông L yêu cầu trả số tiền nợ nêu trên nhưng ông L hứa trả mà không thực hiện. Trong quá trình tố tụng, cũng như tại phiên tòa hôm nay ông xin rút một phần yêu cầu khởi kiện chỉ yêu cầu ông L trả số tiền 73.317.000 đồng, đồng thời yêu cầu tính lãi theo quy định của pháp luật từ ngày 09/01/2018 đến khi xét xử.

Ông Nguyễn Văn L đã được tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án nhưng vẫn không gửi văn bản nêu ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tòa án triệu tập ông L đến tham dự phiên họp, kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải đến lần thứ hai và triệu tập đến tham dự phiên tòa đến lần thứ hai nhưng ông L vắng mặt không lý do.

Tại phiên Toà Kiểm sát viên phát biểu về việc tuân theo pháp luật, quan điểm giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:

- *Thẩm phán:* Chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng từ khi thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử theo quy định tại các Điều 26, 35, 39, 68, 97, 195 và Điều 196 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tuy nhiên Thẩm phán để án trễ hạn xét xử theo khoản 1 Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- *Hội đồng xét xử*: Đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- *Người tham gia tố tụng*: Nguyên đơn thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình, bị đơn chấp hành chưa đảm bảo theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét và kết quả tranh luận của những người tham gia tố tụng tại phiên tòa, nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có cơ sở chấp nhận.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

+ Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên Tòa các bên vẫn giữ nguyên yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ông Ph khởi kiện tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản với ông Nguyễn Văn L cư trú: Tổ 5, ấp A, xã T, huyện T1, An Giang. Căn cứ vào các Điều 26, 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Toà án nhân dân huyện Tri Tôn thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền.

Toà án tống đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên Tòa lần thứ nhất và giấy triệu tập tham gia phiên tòa cho bị đơn ông L. Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn ông L vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ pháp luật:

Tranh chấp giữa nguyên đơn ông Võ Thanh Ph và bị đơn ông Nguyễn Văn L là tranh chấp hợp đồng dân sự mua bán tài sản.

[3] Về nội dung:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Võ Thanh Ph yêu cầu ông Nguyễn Văn L trả số tiền 77.831.000 đồng và yêu cầu tính lãi suất theo quy định của pháp luật từ ngày 09/01/2018. Hội đồng xét xử xác định đây là tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản theo Điều 430 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trong quá trình tố tụng nguyên đơn ông Ph có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện yêu cầu ông L trả số tiền 73.327.000 đồng và yêu cầu tính lãi suất theo quy định của pháp luật từ ngày 09/01/2018 đến ngày xét xử. Yêu cầu này là hoàn toàn tự nguyện, đây là sự định đoạt của đương sự và phù hợp pháp luật tại Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Chứng cứ mà ông Ph cung cấp là biên nhận hàng và đồng thời có thể hiện số tiền 73.327.000 đồng nợ và có sự xác nhận của ông L.

Để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho ông L, Tòa án đã tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án nhưng ông L vẫn không gửi văn bản nêu ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tòa án triệu tập ông L đến tham dự phiên họp, kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải đến lần thứ hai và triệu tập đến tham dự phiên tòa đến lần thứ hai nhưng ông L vắng mặt không lý do.

Việc ông L vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án, không cung cấp tài liệu, chứng cứ, chứng minh nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình nên Tòa án chỉ căn cứ vào tài liệu chứng cứ có trong vụ án để giải quyết.

Như vậy có đủ cơ sở xác định ông L có mua vật liệu xây dựng của ông Ph còn nợ số tiền 73.327.000 đồng, đến nay vẫn chưa trả là vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ. Do đó ông Ph khởi kiện yêu cầu ông L trả số tiền 73.327.000 đồng và yêu cầu tính lãi từ ngày 09/01/2018 đến ngày xét xử là có căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 440 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về lãi suất: Thời gian tính từ ngày 09/01/2018 đến ngày 09/01/2019 (*ngày xét xử sơ thẩm)* là 12 tháng, tính ra ngày là 365 ngày được tính như sau: 73.327.000 đồng x 365 ngày x lãi suất 0.027% = 7.226.000 đồng.

Như vậy tổng tiền gốc và lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm là: 73.327.000 đồng + 7.226.000 đồng = 80.553.000 đồng (*Tám mươi triệu năm trăm năm mươi ba ngàn đồng).*

Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Ph khởi kiện và được Tòa án chấp nhận yêu cầu, nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Ông L vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ, nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 357, 430, 440 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Các Điều 26, 35, 39, 144, 147, khoản 2 Điều 227 và Điều 244, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc Hội.

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Võ Thanh Ph về việc yêu cầu ông Nguyễn Văn L trả số tiền nợ mua bán vật liệu xây dựng 4.504.000 đồng *(Bốn triệu năm trăm lẻ bốn ngàn đồng).*

2. Xử: Chấp nhận yêu cầu của ông Võ Thanh Ph.

Buộc ông Nguyễn Văn L trả cho ông Võ Thanh Ph số tiền 80.553.000 đồng (*Tám mươi triệu năm trăm năm mươi ba ngàn đồng*) .

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Văn L phải chịu án phí số tiền 4.027.000 đồng (*Bốn triệu không trăm hai mươi bảy ngàn đồng).*

Ông Võ Thanh Ph được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp số tiền: 1.945.000 đồng *(Một triệu chín trăm bốn mươi lăm ngàn đồng)* theo biên lai thu tiền số: TU/2016/0001622 ngày 15/6/2018 của Chi cục Thi hành án huyện Tri Tôn.

Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt thời hạn kháng cáo 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-TAND Tỉnh An Giang;
- VKS.ND huyện Tri Tôn;
- THA.DS huyện Tri Tôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Mai Văn Khánh